

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HNGĐ

-ST Ngày: 19/5/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hồng Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Bạch Long
2. Bà Lê Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Chuẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2xx/2xxx/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2xxx về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3x/2xxx/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2xxx và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4x/2xxx/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2xxx, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Cẩm P, sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã K, huyện G, Thành phố H.

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã K, huyện G, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn – bà Lê Thị Cẩm P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà P và ông Nguyễn Thanh T, T nguyện sống chung với nhau năm 2002, tới năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, TP. H theo Giấy đăng ký kết hôn số 141 ngày 24/8/2004. Cuộc sống vợ chồng T có nhiều mâu thuẫn nhưng vì để nuôi dạy con cái, và bà P cũng hi vọng tính cách của ông T sẽ thay đổi tốt hơn, cho nên bà P chịu đựng để duy trì cuộc sống gia đình.

Ông T không lo làm ăn để nuôi dạy con cái mà ham chơi bời. Bà P nhiều lần khuyên bảo nhưng không những ông T không nghe mà còn quát mắng, dọa nạt, đánh đập. Do ông T có biểu hiện bạo lực gia đình cho nên bà P phải trình báo với Công an xã K để can thiệp và hỗ trợ.

Thời gian gần đây mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2018 bà P đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ty nhiên trong quá trình giải quyết, ông T có hứa sẽ sửa chữa khuyết điểm để cải thiện tình cảm và hạnh phúc gia đình cho nên bà P đã rút yêu cầu khởi kiện để tạo cơ hội cho ông T sửa chữa tính cách.

Sau một thời gian nhưng ông T vẫn không thay đổi cách sống, cách hành xử với vợ con. Ông T vẫn thường bỏ nhà ra đi; mỗi khi gặp thì ăn nói thô lỗ và dọa dẫm, chửi bới khiến cho bà P không thể tiếp tục chịu đựng. Hiện nay bà P và ông T đang sống ly thân, ông T thường bỏ nhà đi lâu ngày mà không báo cho vợ con, cũng không liên lạc về với gia đình.

Nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, níu kéo, nên bà P yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Bà P và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Thanh P, sinh ngày 30/10/2002 và cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 04/10/2004.

Cháu P và cháu T, T khi sinh cho đến nay sống với bà P. H cháu P đã trưởng thành. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang cho đến khi đủ 18 Tuổi, và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, còn cháu T có nguyện vọng được sống với bà P nếu cha mẹ ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Nguyễn Thanh T: Tòa án đã triệu tập ông T theo địa chỉ bà P cung cấp, và ông T đã đến Tòa nhận Thông báo thụ lý vụ án.

Ty nhiên sau đó Tòa án đã triệu tập họp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên xét xử mà không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về tố Tụng: Tòa án giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật T xác minh thu thập chứng cứ, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đến trước thời điểm xét xử vụ án. Đương sự chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về Tố Tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự T khi mở phiên tòa đến trước khi nghị án chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh Tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Cẩm P

được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T và giao cháu Trang cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

2

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Cẩm P có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, và yêu cầu được trực tiếp nuôi con, nên đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tại thời điểm giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T có sinh sống tại: Tổ 4, ấp B, xã K, huyện G, Thành phố H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố H.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào trình bày của bà Lê Thị Cẩm P và Trích lục kết hôn số: 1xx/TLKH BS thì bà Lê Thị Cẩm P và ông Nguyễn Thanh T, T nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G. Như vậy hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân T nguyện nên được pháp luật công nhận.

Bà Lê Thị Cẩm P khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Nguyên nhân theo bà P trình bày là do ông T ham chơi, không lo làm ăn; thường hay chửi bới, dọa nạt và đánh đập bà P. Mặc dù bà P đã nhiều lần khuyên bảo, cho cơ hội thay đổi để hàn gắn tình cảm để nhằm giữ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Thời gian gần đây, ông T đã bỏ nhà ra đi mà không báo, cũng không liên lạc với bà P; hiện hai người đang sống ly thân.

Về phía ông T, trong quá trình giải quyết, sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, Tuy nhiên ông T không giao nộp văn bản ý kiến đối với vụ án, đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa mà không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông T không thường xuyên quan tâm đến vợ con, không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và hạnh phúc gia đình. T đó xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và cuộc sống gia đình của bà P và ông T tại địa bàn P mà bà P và ông T chung sống nhưng không có phản hồi. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của bà P là có cơ sở.

+ Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Cẩm P và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Thanh Ph, sinh ngày 30/10/2002 và cháu Nguyễn Thị

Thùy T, sinh ngày 04/10/2004. Hiện cháu P đã trưởng thành. T khi sinh đến nay cháu Trang sống chung với bà P, hơn nữa cháu Trang có nguyện vọng được sống với bà P nếu cha mẹ cháu ly hôn, cho nên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà P về nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trang là phù hợp.

Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà P về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Cẩm P nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Cẩm P:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm P ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1xx do Ủy ban nhân dân xã K, huyện G cấp ngày 24/8/2004 không còn hiệu lực khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Cẩm P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 04/10/2004 cho đến khi đủ 18 Tuổi hoặc có sự kiện pháp lý liên quan đến quyền nuôi con; ghi nhận việc bà P chưa yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức theo

quy định pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Lê Thị Cẩm P phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai số AG/2011/0xxxx ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, Thành phố H. Bà P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể Từ ngày Tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể Từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Cần Giờ, TP.HCM; - THADS H. Cần Giờ, TP.HCM; - UBND xã Bình Khánh; - Lưu: vp.hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Dương Hồng Khanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA HÒ

Bạch Long Lê Thị Nga Dương Hồng Khanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA Lê

Thị Nga Lâm Thành Danh Nguyễn Thị Bích Ngọc

6

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Cần Giờ, TP.HCM; - THADS H. Cần

Giờ, TP.HCM; - Lưu: vp.hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

